

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Định hướng ứng dụng

Tên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

*(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNCT ngày tháng năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ)*

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Nam Cần Thơ

1.2. Tên gọi của văn bằng:

- **Tiếng Việt:** BẰNG THẠC SĨ NGÀNH LUẬT KINH TẾ

- **Tiếng Anh:** THE DEGREE OF MASTER IN BUSINESS LAW

1.3. Tên chương trình đào tạo:

- **Tiếng Việt:** Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật Kinh tế (định hướng ứng dụng)

- **Tiếng Anh:** Master's Program in Business Law (Application orientation)

1.4. Mã số ngành đào tạo của chương trình đào tạo: 8380107

1.5. Thời gian đào tạo tiêu chuẩn: 02 năm

1.6. Phương thức đào tạo: Tín chỉ

1.7. Hình thức tổ chức đào tạo: Trực tiếp kết hợp trực tuyến

1.8. Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh chương trình đào tạo: Tháng 12 năm 2023

1.9. Đơn vị quản lý: Khoa Luật – Trường Đại học Nam Cần Thơ

2. CHUẨN ĐẦU VÀO

2.1. Ngành học phù hợp không học bổ sung kiến thức: Nhóm ngành Luật

2.2. Ngành phù hợp học bổ sung kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp các trường Đại học kiểm sát; Học viện Tòa án, Học viện Hành chính quốc gia; tốt nghiệp các chuyên ngành đào tạo gắn với pháp luật thuộc các trường đại học của Công an, Quân đội.

2.3. Yêu cầu chung:

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp. Đối với các thí sinh tốt nghiệp các chuyên ngành phải học phải học bổ sung kiến thức thì thí sinh phải có quyết định công nhận kết quả học bổ sung kiến thức).

- Có trình độ ngoại ngữ B1 (bậc 3/6) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có văn bằng, chứng chỉ tương đương bậc 3/6 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh chưa đáp ứng năng lực ngoại ngữ đầu vào đăng ký thi năng lực ngoại ngữ đầu vào theo quy định.

- Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có).

3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Luật Kinh tế (định hướng ứng dụng) của Trường Đại học Nam Cần Thơ nhằm đào tạo người học nắm vững những kiến thức lý luận chuyên sâu về hệ thống pháp Luật Kinh tế, qua đó người học có khả năng vận dụng nhuần nhuyễn các kiến thức pháp Luật Kinh tế để có thể giải quyết được những vấn đề pháp lý phức tạp có liên quan đến lĩnh vực pháp luật; có khả năng tự nghiên cứu, làm việc độc lập và sáng tạo, có kỹ năng thực hành pháp luật nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Luật Kinh tế hướng tới các mục tiêu cụ thể sau đây:

M1: Trang bị cho người học kiến thức chuyên môn sâu thuộc lĩnh vực pháp luật kinh tế và các kiến thức có liên quan.

M2: Rèn luyện cho người học có kỹ năng thực hành pháp luật, có khả năng vận dụng pháp luật để giải quyết được các vấn đề pháp lý phức tạp có liên quan đến lĩnh vực pháp luật kinh tế.

M3: Rèn luyện người học có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; có khả năng tự nghiên cứu, tự học suốt đời.

M4: Đào tạo người học trung thành với Tổ quốc, có ý thức tuân thủ pháp luật, có trách nhiệm xã hội; có tinh thần phục vụ cộng đồng, có đạo đức nghề nghiệp tốt.

4. CHUẨN ĐẦU RA

4.1. Về kiến thức

Người tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Luật Kinh tế (định hướng ứng dụng) đạt được chuẩn đầu ra như sau:

PO1: Phân tích được, bình luận được, đánh giá được các kiến thức về chính trị, kinh tế và kiến thức về các ngành khoa học có liên quan.

PO2: Phân tích được, bình luận được, đánh giá được các kiến thức lý thuyết sâu về pháp luật kinh tế.

PO3: Nhận diện được và vận dụng được các kiến thức ứng dụng trong thực tế thực hành pháp luật trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.

PO4: Nhận diện và vận dụng có hiệu quả các kiến thức về nghiên cứu khoa học; kiến thức chung về quản trị và quản lý.

4.2. Về kỹ năng

4.2.1. Kỹ năng chuyên môn

PO5: Có khả năng phân tích, cập nhật đánh giá; phân tích các văn bản pháp luật; Có khả năng vận dụng pháp luật để giải quyết được các vấn đề pháp lý phức tạp phát sinh trong thực tiễn.

PO6: Có khả năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực kinh tế; có khả năng tư vấn pháp luật chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.

4.2.2. Kỹ năng mềm

PO7: Có kỹ năng tổ chức, quản trị, điều hành; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng tự nghiên cứu và tự học suốt đời.

PO8: Có kỹ năng lập luận, tranh luận; có khả năng đánh giá, phản biện; có kỹ năng làm việc nhóm.

PO9: Có khả năng sử dụng ngoại ngữ ở bậc 4/6 (B2) theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam hoặc tương đương bậc 4/6 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

PO10: Có khả năng nghiên cứu, phân tích tình huống để ứng dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế.

PO11: Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi, cập nhật kiến thức và thực tiễn ứng dụng pháp luật kinh tế; có khả năng phối hợp làm việc nhóm và hướng dẫn người khác thực hành nghề luật trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.

PO12: Có khả năng đưa ra những đề xuất, tư vấn mang tính chuyên gia để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật kinh tế; có khả năng quản lý, đánh giá và cải tiến để nâng cao hiệu quả hành nghề trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.

PO13: Có ý thức tuân thủ pháp luật, có ý thức trách nhiệm công dân, trung thành với Tổ quốc và có đạo đức nghề nghiệp.

5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Các học phần thuộc khối kiến thức chung: 14 tín chỉ.

- 08 tín chỉ các học phần bắt buộc;
- 06 tín chỉ các học phần tự chọn.

5.2. Các học phần thuộc nhóm khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành: 37 tín chỉ

- 18 tín chỉ các học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành;
- 12 tín chỉ các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành;
- 07 tín chỉ cho thực tập chuyên môn.

5.3. Đề án tốt nghiệp: 09 tín chỉ

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 60 tín chỉ.

6. HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC CHO CÁC NGÀNH PHẢI BỔ SUNG KIẾN THỨC

Sinh viên tốt nghiệp các trường Đại học kiểm sát; Học viện Tòa án, Học viện Hành chính quốc gia; Các trường đại học của ngành Công An, Quân đội đào tạo có liên quan đến chuyên ngành Luật.

- Số học phần học bổ sung 03, tổng số tín chỉ: 06 TC

Lưu ý: Sinh viên đang học từ năm thứ hai của chương trình đào tạo đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và các điều kiện khác do nhà trường quy định có thể được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ của trường. Số tín chỉ được công nhận không vượt quá 15 tín chỉ của chương trình đào tạo thạc sĩ tại trường. Số tín chỉ được công nhận không vượt quá 15 tín chỉ (*Theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021*).

7. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

7.1. Các học phần thuộc khối kiến thức chung (14 tín chỉ)

Các học phần thuộc khối kiến thức chung gồm 14 tín chỉ, trong đó có 08 tín chỉ các học phần bắt buộc và 06 tín chỉ các học phần tự chọn.

7.1.1. Các học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung (08 tín chỉ)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số	số tiết lý thuyết	Số tiết thảo luận	Học phần tiên quyết	Học kỳ thực hiện
1	KTC-BB01	Triết học	3	30	15		I
2	KTC-BB02	Quản trị và quản lý trong lĩnh vực kinh tế	3	30	15		I
3	KTC-BB03	Phương pháp tư duy và lập luận pháp lý	2	15	15		I

7.1.2. Các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chung (06 tín chỉ)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tiết lý thuyết	Số tiết thảo luận	Học phần tiên quyết	Học kỳ thực hiện
1	KTC-T C01	Ngoại ngữ 1 ¹	4	30	30		I
2	KTC-T C02	Ngoại ngữ 2 ²	2	15	15		I
3	KTC-T C03	Thế chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa	2	15	15		I
4	KTC-T C04	Kinh tế học pháp luật	2	15	15		I
5	KTC-T C05	Kỹ năng đàm phán về thương mại	2	15	15		I

¹ Học viên tham gia học và đánh giá học phần ngoại ngữ nếu chưa đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ hiện hành

² Đối với hai học phần tự chọn là Ngoại ngữ 1 và Ngoại ngữ 2, Trường chỉ tổ chức giảng dạy khi có 10 học viên đăng ký trở lên

6	KTC-T C06	Pháp luật về thương mại theo các hiệp định thương mại tự do và việc thực hiện ở Việt Nam	2	15	15		I
---	--------------	--	---	----	----	--	---

7.2. Các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành (30 tín chỉ)

Các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành gồm 30 tín chỉ, trong đó có 18 tín chỉ các học phần bắt buộc và 12 tín chỉ các học phần tự chọn.

7.2.1. Các học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành (18 tín chỉ)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết lý thuyết	Số tiết thảo luận	Học phần tiên quyết	Học kỳ thực hiện
1	KTCSN&CN-LKT-BB01	Thực hiện, áp dụng pháp luật doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường	3	25	20		II
2	KTCSN&CN-LKT-BB02	Thực hiện, áp dụng pháp luật trong lĩnh vực tài chính ngân hàng	3	25	20		II
3	KTCSN&CN-LKT-BB03	Thực hiện, áp dụng pháp luật trong lĩnh vực lao động và an sinh xã hội	3	25	20		II
4	KTCSN&CN-LKT-BB04	Thực hiện, áp dụng pháp luật trong lĩnh vực đất đai và kinh doanh bất động sản	3	25	20		II

5	KTCSN&CN-LKT-BB05	Thực hiện, áp dụng pháp luật trong lĩnh vực môi trường	3	25	20		III
6	KTCSN&CN-LKT-BB06	Thực hiện, áp dụng pháp luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	3	25	20		III

7.2.2. Các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành (12 tín chỉ)

Các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành gồm 12 tín chỉ (trong đó có 04 tín chỉ các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và 08 tín chỉ thuộc khối kiến thức chuyên ngành).

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết lý thuyết	Số tiết thảo luận	Học phần tiên quyết	Học kỳ thực hiện
A	Các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (04 tín chỉ)						
1	KTCS-LKT-T C01	Những vấn đề pháp lý mới, chuyên sâu của pháp luật thương mại	2	15	15		II
2	KTCS-LKT-T C02	Những vấn đề pháp lý mới, chuyên sâu của pháp luật tài chính, ngân hàng	2	15	15		II
3	KTCS-LKT-T C03	Những vấn đề pháp lý mới, chuyên sâu của pháp luật lao động và an sinh xã hội	2	15	15		III
4	KTCS-LKT-T C04	Những vấn đề pháp lý mới, chuyên sâu của pháp	2	15	15		III

		luật đất đai và kinh doanh bất động sản					
5	KTCS-LKT-T C05	Những vấn đề pháp lý mới, chuyên sâu của pháp luật môi trường	2	15	15		III
B	<i>Các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành (08 tín chỉ)</i>						
1	KTCN-LKT-T C01	Áp dụng pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh	3	25	20		II
2	KTCN-LKT-T C02	Áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh	3	25	20		III
3	KTCN-LKT-T C03	Pháp luật và thực tiễn quản trị doanh nghiệp trong kinh doanh	3	25	20		II
4	KTCN-LKT-T C04	Thực trạng pháp luật thuế trong hoạt động kinh doanh	3	25	20		II
5	KTCN-LKT-T C05	Thực trạng pháp luật về tài chính doanh nghiệp	3	25	20		III
6	KTCN-LKT-T C07	Thực trạng pháp luật và thực tiễn hoạt động kinh doanh chứng khoán và kinh doanh bảo hiểm	3	25	20		III
7	KTCN-LKT-T C09	Tư vấn pháp luật về tiền lương và bảo hiểm xã hội trong doanh nghiệp	3	25	20		III

8	KTCN-LKT-T C10	Tư vấn pháp luật về kinh doanh quyền sử dụng đất và nhà ở trong thị trường bất động sản	3	25	20		II
9	KTCN-LKT-T C11	Tư vấn pháp luật về xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết tranh chấp đất đai	3	25	20		III
10	KTCN-LKT-T C12	Tư vấn pháp luật về xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết tranh chấp kinh doanh bất động sản	3	25	20		II
11	KTCN-LKT-T C15	Quản lý nhà nước về kinh doanh thương mại ở nước ta hiện nay	2	25	20		III

7.3. Thực tập chuyên môn

Thực tập chuyên môn có khối lượng 07 tín chỉ, do người học thực hiện tại cơ quan, tổ chức khác và được đánh giá bằng hình thức viết bài thu hoạch và chấm/thuyết trình theo kế hoạch của khoa chuyên môn. Kết quả thực tập chuyên môn được thể hiện trong bảng điểm các học phần của khoá học.

7.4. Đề án tốt nghiệp

Đề án tốt nghiệp gồm 09 tín chỉ, đáp ứng các yêu cầu về nội dung và hình thức theo quy định hiện hành.

8. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VỚI CHUẨN ĐẦU RA

Mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra											
	Kiến thức				Kỹ năng					Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11	PO13
M1	X	X	X	X					X	X	X	X
M2					X	X	X	X	X			
M3							X	x		x	x	x
M4												x

9. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA

Học phần			Chuẩn đầu ra													
			Kiến thức				Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO10	PO11	PO12	PO13
St	Mã số	Tên học phần														
Các học phần thuộc khối kiến thức chung																
Học phần bắt buộc																
1	KTC-BB01	Triết học	x											X	x	
2	KTC-BB02	Quản trị và quản lý trong lĩnh vực kinh tế	x			X			X	X				X	x	
3	KTC-BB03	Phương pháp tư duy và lập luận pháp lý	x			X			X	X				x	X	
Học phần tự chọn																
1	KTC-TC01	Ngoại ngữ 1									X				X	
2	KTC-TC02	Ngoại ngữ 2									X				x	
3	KTC-TC03	Thế chế kinh tế thị trường XHCN	x			X			X	X				x	X	
4	KTC-TC04	Kinh tế học pháp luật	x			X			X	X				x	x	
5	KTC-TC05	Kỹ năng đàm phán về thương mại	x					X	X	X				x	X	
6	KTC-TC06	Thương mại theo WTO và việc thực hiện ở Việt Nam		X	X		X	X	X	X		X	x	x	X	x
Các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành																
Các học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành (18 tín chỉ)																
1	KTCS N&C N-LK T-BB 01	Thực hiện, áp dụng pháp luật doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường		X	X		X	X	X	X		X	x	X	X	x
2	KTCS N&C N-LK T-BB 02	Thực hiện, áp dụng pháp luật trong lĩnh vực tài chính ngân hàng		X	X		X	X	X	X		X	x	X	X	x
3	KTCS N&C N-LK T-BB 03	Thực hiện, áp dụng pháp luật trong lĩnh vực lao động và an sinh xã hội		X	X		X	X	X	X		X	x	X	X	x
4	KTCS N&C N-LK T-BB 04	Thực hiện, áp dụng pháp luật trong lĩnh vực đất đai và kinh doanh bất động sản		X	X		X	X	X	X		X	x	X	X	x
5	KTCS N&C N-LK	Thực hiện, áp dụng pháp luật trong lĩnh vực môi trường		X	X		X	X	X	X		X	x	X	x	x

	T-BB 05															
6	KTCS N&C N-LK T-BB 06	Thực hiện, áp dụng pháp luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng		X	X		X	X	X	X		X	x	X	X	x
Các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành																
Các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành																
1	KTCS -LKT- TC01	Những vấn đề pháp lý mới, chuyên sâu của pháp luật thương mại		X	X		X	X	X	X		X	x	X	X	x
2	KTCS -LKT- TC02	Những vấn đề pháp lý mới, chuyên sâu của pháp luật tài chính, ngân hàng		X	X		X	X	X	X		X	x	X	X	x
3	KTCS -LKT- TC03	Những vấn đề pháp lý mới của pháp luật lao động và an sinh xã hội		X	X		X	X	X	X		X	x	X	X	x
4	KTCS -LKT- TC04	Những vấn đề pháp lý mới của pháp luật đất đai và kinh doanh bất động sản		X	X		X	X	X	X		X	x	X	X	x
5	KTCS -LKT- TC05	Những vấn đề pháp lý mới của pháp luật môi trường		X	X		X	X	X	X		X	x	X	X	x
Các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành																
1	KTC N-LK T-TC 01	Áp dụng pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh		X	X		X	X	X	X		X	x	X	X	x
2	KTC N-LK T-TC 02	Áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh		X	X		X	X	X	X		X	x	X	X	x
3	KTC N-LK T-TC 03	Pháp luật và thực tiễn quản trị doanh nghiệp trong kinh doanh		X	X		X	X	X	X		X	x	X	X	x
4	KTC N-LK T-TC 04	Thực hành pháp luật thuế trong hoạt động kinh doanh		X	X		X	X	X	X		X	x	X	X	x
5	KTC N-LK T-TC 05	Thực trạng pháp luật về tài chính doanh nghiệp		X	X		X	X	X	X		X	x	X	X	x

6	KTC N-LK T-TC 07	Thực trạng pháp luật và thực tiễn hoạt động kinh doanh chứng khoán và kinh doanh bảo hiểm		X	X		X	X	X	X		X	x	X	X	x
7	KTC N-LK T-TC 09	Tư vấn pháp luật về tiền lương và bảo hiểm xã hội trong doanh nghiệp		X	X		X	X	X	X		X	x	X	X	x
8	KTC N-LK T-TC 10	Tư vấn pháp luật về kinh doanh quyền sử dụng đất và nhà ở trong thị trường bất động sản		X	X		X	X	x	X		X	x	X	X	x
x 9	KTC N-LK T-TC 11	Tư vấn pháp luật về xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết tranh chấp đất đai		X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	x
1 0	KTC N-LK T-TC 12	Tư vấn pháp luật về xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết tranh chấp kinh doanh bất động sản		X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	x
1 1	KTC N-LK T-TC 13	Thực hiện pháp luật môi trường trong hoạt động kinh doanh		X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	x
		Thực tập chuyên môn		X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	x
		Đề án tốt nghiệp		X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	x

10. Đánh giá kết quả thực tập chuyên môn

10.1 Người học đã tích lũy đủ ít nhất 30 tín chỉ của các học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ (định hướng ứng dụng) có thể đăng ký thực tập chuyên môn ở ngoài cơ sở đào tạo. Người học tự liên hệ nơi thực tập phù hợp với ngành đào tạo. Trường hỗ trợ người học về các thủ tục hành chính để liên hệ nơi thực tập. Thực tập được coi là một thành phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ (định hướng ứng dụng).

10.2. Việc đánh giá đối với phân khối lượng học tập là thực tập chuyên môn được thực hiện thông qua hình thức chấm nhật ký thực tập để đánh giá về điểm chuyên cần (trọng số 30%); chấm và thuyết trình báo cáo thực tập để đánh giá về kết quả chuyên môn trong hoạt động thực tập của người học (trọng số 70%). Việc đánh giá kết quả thực tập của người học về nội dung thuộc chuyên môn do Khoa chuyên môn thực hiện.

11. Đánh giá đề án tốt nghiệp

Việc đánh giá đề án tốt nghiệp được thực hiện bởi Hội đồng đánh giá đề án tốt nghiệp do trường thành lập theo quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ hiện hành.

BAN GIÁM HIỆU

KHOA SAU ĐẠI HỌC

KHOA LUẬT